

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG - PHỤ CẤP
Tháng 06 năm 2025

TT	Họ và tên	Cấp bậc, chức vụ	Lương hệ số													Thành tiền	BHXH trả thay lương		Các khoản khấu trừ				Thực trả CBCNV
			HS Lương	HS chênh lệch bảo lưu	Lương HD	PC CV	PC KV	PC TN VK		PCTN nghề		PC ưu đãi nghề 50%	PC độc hại	PC trách nhiệm	Cộng HS		BHXH không chi trả 25%	BHXH chi trả 75%	BHXH 8%	BHYT 1,5%	1% BHTN	Cộng BH	
								Tỷ lệ % TN VK	PC TN VK	Tỷ lệ % PC TNN	PCTN N												
1	Lê Thị Nga	H.trưởng	5,02			0,5	0,5			24%	1,325	2,76			10,10	23.645.232			1.281.347	240.252	160.168	1.681.767	21.963.464,64
2	Nguyễn Thanh Bình	Giáo viên	5,36				0,5			32%	1,715	2,68			10,26	23.997.168			1.324.477	248.340	165.560	1.738.377	22.258.791,36
3	Cao Thị Dung	Giáo viên	4,98	0,16			0,5	5%	0,25	36%	1,882	2,61			10,39	24.303.100			1.361.214	255.228	170.152	1.786.593	22.516.506,79
4	Nguyễn Thị Nga A	Giáo viên	4,89				0,5	8%	0,39	36%	1,901	2,64			10,32	24.155.895			1.344.551	252.103	168.069	1.764.724	22.391.171,34
5	Lê Thị Hồng	Giáo viên	5,36				0,5			33%	1,769	2,68			10,31	24.122.592			1.334.511	250.221	166.814	1.751.546	22.371.045,84
6	Lê Thị Thanh Huế	Giáo viên	5,36				0,5			28%	1,501	2,68			10,04	23.495.472			1.284.342	240.814	160.543	1.685.699	21.809.773,44
7	Tông Thị Sôm	Giáo viên	4,98				0,5	5%	0,25	29%	1,516	2,61			9,86	23.072.189			1.262.741	236.764	157.843	1.657.347	21.414.842,16
8	Hoàng Tiểu Oanh	Giáo viên	4,98				0,5	7%	0,35	29%	1,545	2,66			10,04	23.489.374			1.286.793	241.274	160.849	1.688.916	21.800.458,20
9	Nguyễn T Thanh Huyền	Giáo viên	4,98				0,5	5%	0,25	27%	1,412	2,61			9,76	22.827.472			1.243.163	233.093	155.395	1.631.652	21.195.820,27
10	Trần Thị Ngọc Hôi	Tổ trưởng	4,98			0,2	0,5	5%	0,25	27%	1,466	2,71			10,11	23.655.832			1.290.712	242.009	161.339	1.694.060	21.961.772,47
11	Nguyễn Thị Bình	Giáo viên	4,98				0,5			27%	1,345	2,49			9,31	21.796.164			1.183.965	221.993	147.996	1.553.954	20.242.209,78
12	Nguyễn Hoài Giang	Giáo viên	4,98				0,5			26%	1,295	2,49			9,26	21.679.632			1.174.643	220.245	146.830	1.541.718	20.137.913,64
13	Phạm T Như Thủy	Giáo viên	5,02				0,5			25%	1,255	2,51			9,29	21.726.900			1.174.680	220.253	146.835	1.541.768	20.185.132,50
14	Phạm T Thu Hương	Tổ phó	5,02			0,15	0,5			24%	1,241	2,59			9,50	22.220.172			1.200.102	225.019	150.013	1.575.134	20.645.038,44
15	Lê Lê Hằng	Giáo viên	4,68				0,5			26%	1,217	2,34			8,74	20.444.112			1.103.881	206.978	137.985	1.448.844	18.995.268,24
16	Phạm Thị Tâm	Tổ phó	4,68			0,15	0,5			22%	1,063	2,42			8,81	20.609.784			1.103.095	206.830	137.887	1.447.812	19.161.972,18
17	Lê Thị Thu Hà	Giáo viên	4,68				0,5			22%	1,030	2,34			8,55	20.006.064			1.068.837	200.407	133.605	1.402.849	18.603.215,28
18	Đoàn Thị Chi	Giáo viên	4,68				0,5			24%	1,123	2,34			8,64	20.225.088			1.086.359	203.692	135.795	1.425.846	18.799.241,76
19	Lưu Thị Tuyết	Giáo viên	4,68				0,5			24%	1,123	2,34			8,64	20.225.088			1.086.359	203.692	135.795	1.425.846	18.799.241,76

20	Nguyễn Thị Vân	Giáo viên	4,68	0,5	22%	1,030	2,34	8,55	20,006,064	1,068,837	200,407	133,605	1,402,849	18,603,215,28
21	Nguyễn Thị Ca	Giáo viên	4,68	0,5	19%	0,889	2,34	8,41	19,677,528	1,042,554	195,479	130,319	1,368,352	18,309,175,56
22	Nguyễn T Kim Anh	Tổ trưởng	4,68	0,2	22%	1,074	2,44	8,89	20,811,024	1,114,514	208,971	139,314	1,462,800	19,348,224,48
23	Phan Thị Thu Hằng	Tổ trưởng	4,68	0,5	22%	1,074	2,44	8,89	20,811,024	1,114,514	208,971	139,314	1,462,800	19,348,224,48
24	Nguyễn Quỳnh Giang	Giáo viên	4,00	0,5	18%	0,720	2,00	7,22	16,894,800	883,584	165,672	110,448	1,159,704	15,735,096,00
25	Trần Thị Đình	Giáo viên	3,99	0,5	22%	0,878	2,00	7,36	17,228,952	911,252	170,860	113,907	1,196,018	16,032,933,54
26	Vũ Hương Giang	Tổ phó	4,34	0,5	19%	0,853	2,25	8,09	18,926,154	1,000,228	187,543	125,029	1,312,800	17,613,354,33
27	Nguyễn T Bình Minh	Tổ phó	4,00	0,5	21%	0,872	2,08	7,60	17,775,810	940,025	176,255	117,503	1,233,783	16,542,027,45
28	Lê Thị Xuân	Giáo viên	4,00	0,5	14%	0,560	2,00	7,06	16,520,400	853,632	160,056	106,704	1,120,392	15,400,008,00
29	Nguyễn T Minh Huệ	Tổ trưởng	4,00	0,5	14%	0,588	2,10	7,39	17,287,920	896,314	168,059	112,039	1,176,412	16,111,508,40
30	Phạm T Ngọc Quỳnh	Giáo viên	4,34	0,5	17%	0,738	2,17	7,75	18,129,852	950,564	178,231	118,821	1,247,615	16,882,236,54
31	Luong Hồng Yên	Giáo viên	4,34	0,5	22%	0,955	2,17	7,96	18,637,632	991,187	185,847	123,898	1,300,932	17,336,699,64
32	Vũ Thị Tuyết	Giáo viên	4,34	0,5	22%	0,955	2,17	7,96	18,637,632	991,187	185,847	123,898	1,300,932	17,336,699,64
33	Trần Thị Hạnh	Tổ trưởng	4,34	0,5	21%	0,953	2,27	8,26	19,336,356	1,028,364	192,818	128,546	1,349,728	17,986,627,62
34	Dương Thị Lua	Giáo viên	4,34	0,5	21%	0,911	2,17	7,92	18,536,076	983,062	184,324	122,883	1,290,269	17,245,807,02
35	Nguyễn Trung Dũng	Giáo viên	4,34	0,5	21%	0,911	2,17	7,92	18,536,076	983,062	184,324	122,883	1,290,269	17,245,807,02
36	Nguyễn Thị Lành	Giáo viên	3,66	0,5	14%	0,512	1,83	6,50	15,215,616	781,073	146,451	97,634	1,025,159	14,190,457,32
37	Nguyễn T Mỹ Hương	Hiệu phó	5,36	0,5	25%	1,440	2,88	10,58	24,757,200	1,347,840	252,720	168,480	1,769,040	22,988,160,00
38	Trương Minh Ngọc	Giáo viên	3,33	0,5	9%	0,300	1,67	5,79	13,559,598	679,480	127,402	84,935	891,817	12,667,780,71
39	Tà Thị Lan	Giáo viên	3,33	0,5	10%	0,333	1,67	5,83	13,637,520	685,714	128,571	85,714	899,999	12,737,520,90
40	Lò Văn Thanh	Giáo viên	4,00	0,5	14%	0,560	2,00	7,06	16,520,400	853,632	160,056	106,704	1,120,392	15,400,008,00
41	Phạm Tuấn Tài	Giáo viên	3,66	0,5	14%	0,512	1,83	6,50	15,215,616	781,073	146,451	97,634	1,025,159	14,190,457,32
42	Hoàng T Hồng Hạnh	Giáo viên	3,99	0,5	14%	0,559	2,00	7,04	16,482,024	851,498	159,656	106,437	1,117,591	15,364,432,98
43	Vũ Thị Thảo	Giáo viên	3,99	0,5	14%	0,559	2,00	7,04	16,482,024	851,498	159,656	106,437	1,117,591	15,364,432,98
44	Dương Thu Hằng	Tổ phó	3,66	0,5	14%	0,533	1,91	6,75	15,791,256	813,084	152,453	101,636	1,067,173	14,724,082,62
45	Nguyễn Thị Huyền	Giáo viên	3,33	0,5	13%	0,433	1,67	6,23	14,573,286	704,415	132,078	88,052	924,545	13,648,741,47
46	Bùi Thị Hằng	Giáo viên	3,66	0,5	15%	0,549	1,83	6,54	15,301,260	787,925	147,736	98,491	1,034,151	14,267,108,70
47	Vũ Thị Tuyết	Giáo viên	4,68	0,5	22%	1,030	2,34	8,55	20,006,064	1,068,837	200,407	133,605	1,402,849	18,603,215,28
48	Phạm T Phương Dung	Tổ trưởng	3,66	0,5	22%	1,030	2,34	8,55	20,006,064	1,068,837	200,407	133,605	1,402,849	18,603,215,28
49	Lê Thị Tuyền	NV như viên	3,26	0,5	0,2			0,2					948,402	9,487,998,00
50	Dò Thị Huệ	Về	3,06					3,96	9,266,400	610,272	114,426	76,284	800,982	8,465,418,00
								3,56	8,330,400	572,832	107,406	71,604	751,842	7,578,558,00

	Cộng lương biên chế		220,01	0,16		2,85	25,0		1,74		48,0	107,2	0,2	0,4	405,6	949.025.694	-	-	51.060.417	9.573.828	6.382.552	67.016.797	882.008.897
51	Nguyễn Thị Ngọc	Phục vụ			3.860.000											3.860.000			308.800	57.900	38.600	405.300	3.454.700
52	Đoàn Văn Hải	Bảo vệ			3.860.000											3.860.000			308.800	57.900	38.600	405.300	3.454.700
53	Lô Văn Lâ	Bảo vệ			3.860.000											3.860.000			308.800	57.900	38.600	405.300	3.454.700
	Cộng lương hợp đồng				11.580.000											11.580.000	-	-	926.400	173.700	115.800	1.215.900	10.364.100
	Tổng Cộng		220,01	0,16	11.580.000	2,85	25,0		1,74		48,00	107,21	0,2	0,4	405,6	960.605.694	-	-	51.986.817	9.747.528	6.498.352	68.232.697	892.372.997

Tổng số tiền(viết bằng chữ): Tám trăm chín mươi hai triệu, ba trăm bảy mươi hai nghìn, chín trăm chín mươi bảy đồng chẵn.

KẾ TOÁN

Phạm Thị Phương Dung

Mường Thanh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Nga